

TS26000

2V - 600Ah

Thông số kỹ thuật

Điện áp danh định (V) 2V

Dung lượng (20 °C)

10 giờ	(60 A - 1.80 V)	600.0 Ah
5 giờ	(108 A - 1.75 V)	540.0 Ah
3 giờ	(168 A - 1.70 V)	504.0 Ah
1 giờ	(390 A - 1.60 V)	390.0 Ah

Khối lượng 32.0 kg ± 2%

Nội trở (nạp no ở 20 °C) ≤ 0.52mΩ

Dòng phóng lớn nhất 2400 A (5 giây)

Dòng ngắn mạch 4000 A

Độ tự phóng ở 20 °C 3 %/tháng

Phương pháp nạp Nạp ổn áp ở 25 °C (77 °F)

Thông số	Chu kỳ	Phụ nạp thường xuyên
Điện áp nạp (VDC)	2.40 - 2.50	2.25 - 2.35
Dòng nạp lớn nhất (ADC)	150	150
Hệ số thay đổi nhiệt độ (mV/°C)	-5.5	-3

Nhiệt độ làm việc

Phóng	-20 °C (-4 °F) ÷ 50 °C (122 °F)
Nạp	-20 °C (-4 °F) ÷ 50 °C (122 °F)
Lưu kho	-20 °C (-4 °F) ÷ 40 °C (104 °F)

Tuổi thọ ắc quy ở chế độ nạp nổi 20 °C (68 °F)

1 năm	98
3 năm	90
4 năm	80

Chất liệu vỏ

ABS

(Tùy chọn khác: Vật liệu chống cháy UL94 HB & UL94 V-0)

Terminal

M8 - 20



Kích thước

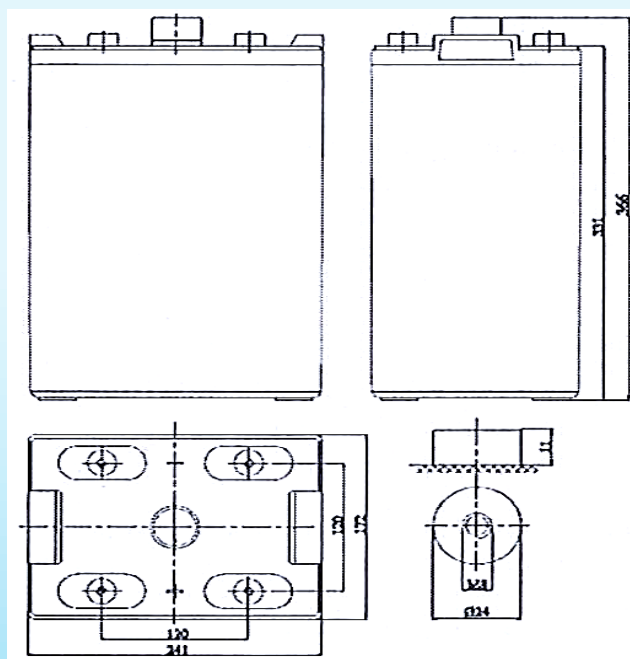
mm

Dài
241

Rộng
172

Cao
331

Cao tổng
366



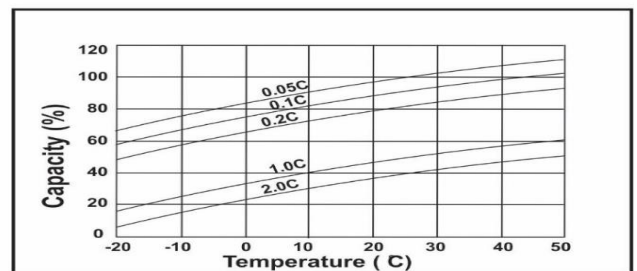
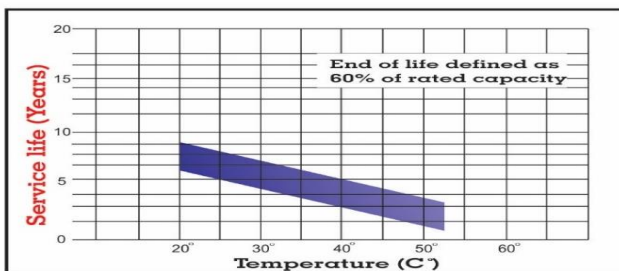
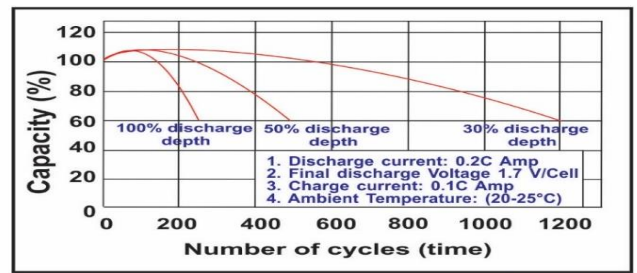
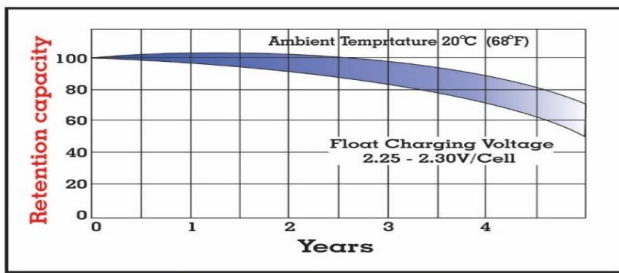
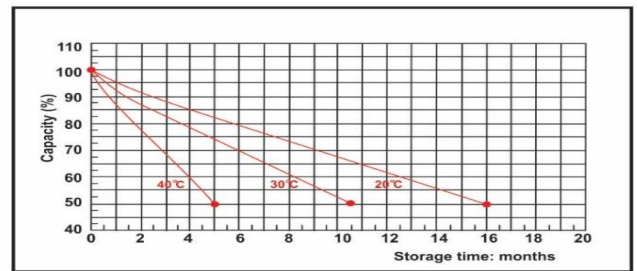
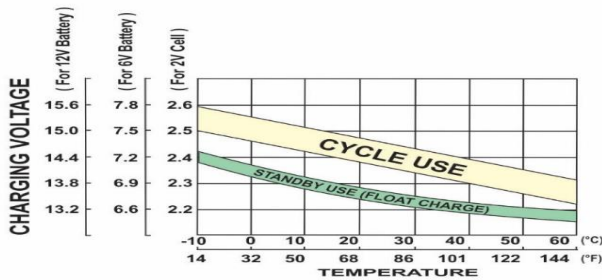
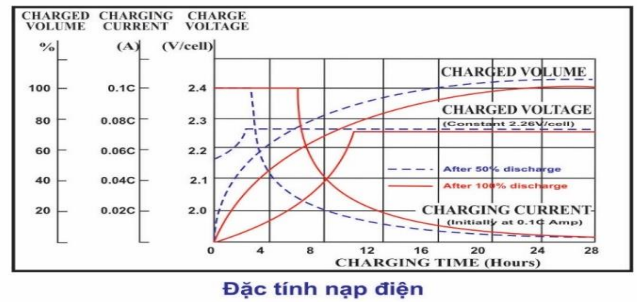
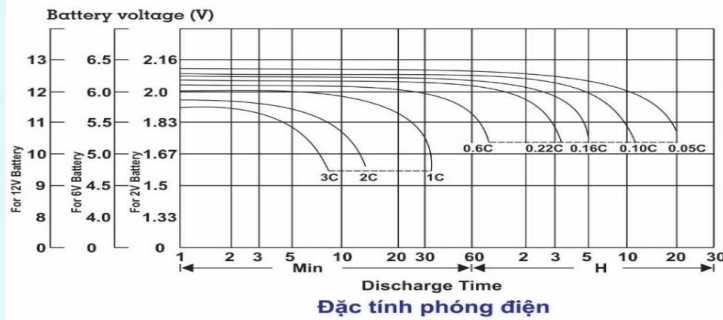
Thông số phóng ở dòng không đổi (A ở 20°C)

Điện áp ngắt (V)	15 phút	30 phút	45 phút	60 phút	3 giờ	5 giờ	10 giờ
1.60	886	650	480	390.0	179.0	117.4	64.2
1.65	844	622	460	376.0	173.6	114.8	63.6
1.70	800	592	440	360.0	168.0	111.8	62.6
1.75	756	560	420	346.0	162.6	108.0	61.4
1.80	710	530	398	330.0	157.0	104.6	60.0



Thông số phóng ở công suất không đổi (W ở 20°C)

Điện áp ngắt (V)	15 phút	30 phút	45 phút	60 phút	2 giờ	3 giờ	5 giờ
1.60	1590	1216	902	737	447	340.3	229.6
1.65	1512	1162	865	711	434	334.9	226.2
1.70	1436	1108	840	688	421	328.1	220.9
1.75	1358	1054	811	670	412	322.9	215.2
1.80	1280	1000	768	644	397	314.0	209.2



ẮC QUY TIA SÁNG

"Nguồn năng lượng không giới hạn"

CTCP Ắc quy Tia Sáng - Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đông, An Dương, TP Hải Phòng
Tel: 0225.3857.080 FAX: 0225.3835.876 E-mail: info@tiasangbattery.com